



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	Ánh	10	Mười	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	Băng	10	Mười	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	Bích	8	Tám	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	Gấm	9	Chín	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	Hương	9	Chín	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	Loan	9	Chín	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	Luân	10	Mười	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	Mai	9	Chín	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	Ngân	9	Chín	C22KT1	
10	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	Oanh	9	Chín	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	Oanh	9	Chín	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	Sương	9	Chín	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	Thanh	8	Tám	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	Thảo	10	Mười	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	The	10	Mười	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	Thịnh	9	Chín	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	Thùy	10	Mười	C22KT1	
18	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	Thư	10	Mười	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	Thy	10	Mười	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	Tiên	10	Mười	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	Trân	10	Mười	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	Xuân	10	Mười	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yên	28/10/2002	Yên	9	Chín	C22KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 00. Số bài thi: 23 /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: %, %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	Ánh	10	Mười	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	Tuyết Băng	10	Mười	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	Bích	9	Chín	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	Gấm	9	Chín	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	Hương	9	Chín	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	Loan	10	Mười	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	Luân	10	Mười	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	Mai	9	Chín	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	Ngân	9	Chín	C22KT1	
10	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	Oanh	9	Chín	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	Oanh	9	Chín	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	Sương	9	Chín	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	Thanh	9	Chín	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	Thảo	10	Mười	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	The	10	Mười	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	Thịnh	10	Mười	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	Thùy	10	Mười	C22KT1	
18	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	Thư	9	Chín	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	Thy	8	Tám	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	Tiên	10	Mười	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	Trân	9	Chín	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	Xuân	10	Mười	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yến	28/10/2002	Yến	9	Chín	C22KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 00 . Số bài thi: 23 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)
Trần Thị Kim

Ngày in: 15:32 28/01/2021

Ngày: 14 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)
Trần Kim Đình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002		8	Tám	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001		10	Mười	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002		8	Tám	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002		10	Mười	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000		10	Mười	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002		10	Mười	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002		10	Mười	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhựt Minh	29/08/2001		10	Mười	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002		10	Mười	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002		10	Mười	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002		10	Mười	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002		10	Mười	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002		8	Tám	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002		8	Tám	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002		9	Chín	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002		8	Tám	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002		10	Mười	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002		9	Chín	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000		10	Mười	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002		10	Mười	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		10	Mười	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001		10	Mười	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002		10	Mười	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 00. Số bài thi: 23 /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: %, %

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày in: 15/34 28/01/2021

Ngày 14 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Kim Đình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng Anh	24/10/2002		9	Chun'	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001		9	Chun'	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002		9	Chun'	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002		9	Chun'	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000		10	Muoi	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002		9	Chun'	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002		9	Chun'	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhật Minh	29/08/2001		9	Chun'	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002		9	Chun'	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002		10	Muoi	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002		9	Chun'	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002		10	Muoi	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002		9	Chun'	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002		9	Chun'	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002		9	Chun'	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002		9	Chun'	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002		9	Chun'	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002		9	Chun'	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000		10	Muoi	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002		9	Chun'	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		9	Chun'	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001		10	Muoi	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002		10	Muoi	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 00. Số bài thi: 23 /

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày in: 15:35 28/01/2021

Ngày 14 tháng 2 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002		9	Chín	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002		8	Tám	C22TC	
3	2010120017	Cao Thị Bạch Đằng	25/12/2002		9	Chín	C22TC	
4	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002		10	Mười	C22TC	
5	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001		8	Tám	C22TC	
6	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002		9	Chín	C22TC	
7	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002		10	Mười	C22TC	
8	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001		8	Tám	C22TC	
9	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002		10	Mười	C22TC	
10	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002		9	Chín	C22TC	
11	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002		8	Tám	C22TC	
12	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002		10	Mười	C22TC	
13	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002		8	Tám	C22TC	
14	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002		10	Mười	C22TC	
15	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002		9	Chín	C22TC	
16	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002		10	Mười	C22TC	
17	2010120012	Trương Thị Quế Trân	02/09/2002		9	Chín	C22TC	
18	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002		10	Mười	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 01 . Số bài thi: 18 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày: 13 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002		9	Chín	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002		8	Tám	C22TC	
3	2010120017	Cao Thị Bạch Đằng	25/12/2002		9	Chín	C22TC	
4	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002		9	Chín	C22TC	
5	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001		8	Tám	C22TC	
6	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002		9	Chín	C22TC	
7	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002		10	Mười	C22TC	
8	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001		8	Tám	C22TC	
9	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002		9	Chín	C22TC	
10	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002		10	Mười	C22TC	
11	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002		9	Chín	C22TC	
12	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002		10	Mười	C22TC	
13	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002		8	Tám	C22TC	
14	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002		10	Mười	C22TC	
15	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002		10	Mười	C22TC	
16	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002		10	Mười	C22TC	
17	2010120012	Trương Thị Quế Trân	02/09/2002		10	Mười	C22TC	
18	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002		10	Mười	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 00 . Số bài thi: 18 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/01/2002	<i>Diễm</i>	8	<i>Tám</i>	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 1 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

*Trần Kim Đình*Ngày 18 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Kim Đình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình - (04088)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120032	Huỳnh Ngọc	13/01/2002	Diễm	8	Tám	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 18 tháng 2 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đình

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên: Cls

Giám thị 2: Lê Trùng San

Ký tên: lts

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	<u>Thanh</u>				C22KT1	
2	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>Thành</u>				C22TC	
3	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	<u>Thảo</u>				C22KT1	
4	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	<u>The</u>				C22KT1	
5	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	<u>Thịnh</u>				C22KT1	
6	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	<u>Thùy</u>				C22KT1	
7	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>Thư</u>				C22TC	
8	2010110002	Vũ Thị Minh Thư	20/11/2000	<u>Thư</u>				C22KT1	
9	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>Thương</u>				C22TC	
10	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	<u>Thy</u>				C22KT1	
11	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	<u>Tiên</u>				C22KT1	
12	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002	<u>Trang</u>				C22KT2	
13	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002	<u>Trâm</u>				C22KT2	
14	2010110021	Nguyễn Thị Quế Trân	11/12/2002	<u>Trân</u>				C22KT1	
15	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002	<u>Trân</u>				C22KT2	
16	2010120012	Trương Thị Quế Trân	02/09/2002	<u>Trân</u>				C22TC	
17	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002	<u>Trinh</u>				C22KT2	
18	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000	<u>Trinh</u>				C22KT2	
19	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/10/2002	<u>Trinh</u>				C22KT2	
20	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>Tú</u>				C22TC	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002	<u>Uyên</u>				C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001	<u>Vũ</u>				C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002	<u>Vy</u>				C22KT2	
24	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	<u>Xuân</u>				C22KT1	
25	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yến	28/10/2002	<u>Yến</u>				C22KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

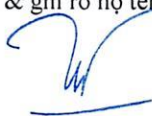
Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...14...tháng...4...năm...2021...

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

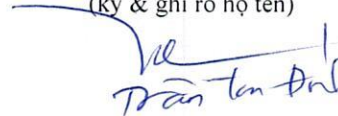


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...13...tháng...4...năm...2021...

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: 4XBF2C

Thời gian thi: 07/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 07/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên: Ch

Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên: lts

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110014	Trương Thị Phương Thanh	22/08/2002	<u>Thanh</u>	6.8	Sáu, tám	C22KT1	
2	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>Thành</u>	6	Sáu	C22TC	
3	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	11/07/2002	<u>Thảo</u>	8	Tám	C22KT1	
4	2010110004	Trương Thị The	15/02/1998	<u>The</u>	7.4	Bảy, bốn	C22KT1	
5	2010110007	Nguyễn Đức Thịnh	08/10/2002	<u>Thịnh</u>	8.4	Tám, bốn	C22KT1	
6	2010110002	Vì Thị Minh Thư	20/11/2000	<u>Thư</u>	8.4	Tám, bốn	C22KT1	
7	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>Anh</u>	8.2	Tám, hai	C22TC	
8	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>Thương</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TC	
9	2010110017	Võ Thanh Thùy	13/09/2002	<u>Thùy</u>	8.8	Tám, tám	C22KT1	
10	2010110001	Quách Cẩm Thy	20/05/1997	<u>Thy</u>	7.4	Bảy, bốn	C22KT1	
11	2010110026	Đặng Thị Cẩm Tiên	06/08/2002	<u>Tiên</u>	9.4	Chín, bốn	C22KT1	
12	2010110028	Trần Ngọc Trâm	13/01/2002	<u>Trâm</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT1	
13	2010110021	Nguyễn Thị Quê Trân	11/12/2002	<u>Trân</u>	6	Sáu	C22KT1	
14	2010120012	Trương Thị Quê Trân	02/09/2002	<u>Trân</u>	8.2	Tám, hai	C22TC	
15	2010110035	Trần Thị Tiểu Trân	06/05/2002	<u>Trân</u>	6	Sáu	C22KT1	
16	2010110031	Phạm Thị Thùy Trang	02/05/2002	<u>Trang</u>	7.8	Bảy, tám	C22KT1	
17	2010110030	Phan Thị Trinh	12/02/2000	<u>Trinh</u>	8.6	Tám, sáu	C22KT1	
18	2010110039	Võ Thị Mai Trinh	04/01/2002	<u>Trinh</u>	9.2	Chín, hai	C22KT2	
19	2010110042	Đoàn Thị Thùy Trinh	14/04/2002	<u>Trinh</u>	7.8	Bảy, tám	C22KT2	
20	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>Tú</u>	6.8	Sáu, tám	C22TC	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002	<u>Uyên</u>	8.4	Tám, bốn	C22KT1	
22	2010110045	Ngô Thanh Vũ	02/12/2001	<u>Vũ</u>	8	Tám	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy Vy	12/10/2002	<u>Vy</u>	8.8	Tám, tám	C22KT2	
24	2010110025	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/12/2002	<u>Xuân</u>	8.6	Tám, sáu	C22KT1	
25	2010110006	Phạm Ngọc Phi Yên	28/10/2002	<u>Yên</u>	7	Bảy	C22KT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 25

Số sinh viên đạt: 25

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Đạt

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: B04VGJ

Thời gian thi: 07/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 07/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: N.T.M. Hết Ký tên: [Signature]Giám thị 2: Nguyễn Duy Ký tên: [Signature]Giám thị 3: [Signature] Ký tên: [Signature]Giám thị 4: [Signature] Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C22TC	
3	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22KT1	
4	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22KT2	
5	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22KT1	
6	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2001	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22KT1	
7	2010120017	Cao Thị Bạch Đằng	25/12/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TC	
8	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/02/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22TC	
9	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT2	
10	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22KT2	
11	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22KT1	
12	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22KT2	
13	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22KT2	
14	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TC	
15	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TC	
16	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT1	
17	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22KT1	
18	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TC	
19	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TC	
20	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22KT1	
21	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22KT1	
22	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT1	
23	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22KT2	
24	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C22TC	
25	2010110040	Võ Nhật Minh	29/08/2001	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22KT2	
26	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22TC	
27	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TC	
28	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22KT1	
29	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22KT2	
30	2010110044	Phan Tuyết Như	15/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22KT2	
31	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C22TC	
32	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22TC	
33	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22KT1	
34	2010110005	Lê Huỳnh Oanh	29/01/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22KT1	
35	2010110008	Vũ Thị Kiều Oanh	28/02/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22KT1	
36	2010110041	Trần Kiều Ái Phương	21/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT2	
37	2010110020	Nguyễn Thị Sương	05/02/2000	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22KT1	
38	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C22TC	
39	2010110051	Nguyễn Thị Thái Thanh	09/12/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22KT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

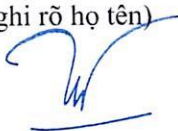
Số sinh viên dự thi: 39

Số sinh viên đạt: 39

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

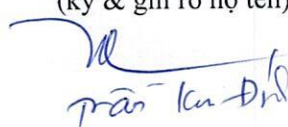


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 13 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Văn Đức



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400503

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đính

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: N.T.N. Hoa

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ng. Tiến Dũng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
3	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
4	2010110043	Phan Hồng Ánh	24/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
5	2010110022	Trần Tuyết Băng	22/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
6	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu Bích	02/02/2020	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
7	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
8	2010110047	Huỳnh Võ Huyền Diệu	31/12/2001	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
9	2010100144	Bàn Thúy Duyên	22/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
10	2010120017	Cao Thị Bạch Đăng	25/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
11	2010110009	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/06/2000	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
12	2010110049	Trần Phạm Thanh Hà	30/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
13	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
14	2010110052	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/04/2000	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
15	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001	<u>[Signature]</u>				C22TC	
16	2010110032	Lê Thị Ngọc Huyền	31/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
17	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
18	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
19	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
20	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc Loan	17/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
21	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
22	2010110046	Lê Thị Quỳnh Mai	07/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
23	2010110013	Ngô Thị Xuân Mai	26/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
24	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001	<u>[Signature]</u>				C22TC	
25	2010110040	Võ Nhựt Minh	29/08/2001	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
26	2010110015	Trịnh Trúc Ngân	04/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT1	
27	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
28	2010110038	Lê Phạm Kiều Nhi	22/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
29	2010110034	Nguyễn Yến Nhi	27/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
30	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	
31	2010110029	Hồ Thị Kim Nhung	15/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22KT2	
32	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TC	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	16/12/2002				C22TC	
34	2010110044	Phan Tuyết	Như	15/07/2002				C22KT2	
35	2010110005	Lê Huỳnh	Oanh	29/01/2002				C22KT1	
36	2010110008	Vũ Thị Kiều	Oanh	28/02/2002				C22KT1	
37	2010110041	Trần Kiều Ái	Phương	21/06/2002				C22KT2	
38	2010120029	Lê Thị Hoài	Sương	26/07/2002				C22TC	
39	2010110020	Nguyễn Thị	Sương	05/02/2000				C22KT1	
40	2010110051	Nguyễn Thị Thái	Thanh	09/12/2002				C22KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %



Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)